

**CÔNG TY CỔ PHẦN ONELOG CETA TECHNOLOGY**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ONELOG CETA TECHNOLOGY

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ONELOG CETA TECHNOLOGY J.S.C

Tên công ty viết tắt: ONELOG CETA TECHNOLOGY

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109494893

**3. Ngày thành lập:** 14/01/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 4 Tòa nhà Ladeco, số 266 Đội Cấn, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02473009559

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2610     |
| 2.  | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 2620     |
| 3.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa (không bao gồm hoạt động đấu giá); Môi giới mua bán hàng hóa                                                                                                                                                                                                                           | 4610     |
| 4.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm<br>Chi tiết: Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi; Bán buôn phần mềm                                                                                                                                                                                                                                | 4651     |
| 5.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông<br>Chi tiết: Bán buôn thiết bị nghe nhìn và thiết bị điện tử khác dùng điện; Bán buôn băng, đĩa, CD, DVD trắng; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                      | 4652     |
| 6.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi; Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng; Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp; Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế; Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường | 4659     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 7.  | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng: Máy vi tính; Thiết bị ngoại vi máy vi tính; Bộ điều khiển trò chơi video; Phần mềm được thiết kế để sử dụng cho mọi khách hàng (không phải loại được thiết kế theo yêu cầu riêng của khách hàng), kể cả trò chơi video; Thiết bị viễn thông. Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng thiết bị viễn thông như: Điện thoại cố định, điện thoại di động, máy fax, thiết bị viễn thông khác: sim, card điện thoại, nạp tiền điện thoại...                                            | 4741        |
| 8.  | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng: Radiô, cassette, tivi; Loa, thiết bị âm thanh nổi; Máy nghe nhạc; Đầu video, đầu đĩa CD, DVD                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4742        |
| 9.  | Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết: Hoạt động bán lẻ thiết bị thông tin, liên lạc như máy vi tính và thiết bị ngoại vi, thiết bị viễn thông, hàng điện tử và điện tử tiêu dùng lưu động hoặc tại chợ.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4783        |
| 10. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>Chi tiết: Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua internet (trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4791        |
| 11. | Xuất bản phần mềm<br>Chi tiết: Sản xuất phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 5820(Chính) |
| 12. | Hoạt động viễn thông có dây<br>Chi tiết: Hoạt động mua quyền truy cập hạ tầng viễn thông của đơn vị khác và điều hành hệ thống đó để cung cấp dịch vụ viễn thông cho các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp; Hoạt động cung cấp dịch vụ truy cập internet bằng mạng viễn thông có dây.<br>Loại trừ: Bán lại hạ tầng viễn thông, mạng cung cấp (không thực hiện cung cấp dịch vụ)                                                                                                                                                                                                                                                  | 6110        |
| 13. | Hoạt động viễn thông không dây<br>Chi tiết: Hoạt động vận hành, duy trì hoặc cung cấp việc tiếp cận các phương tiện truyền giọng nói, dữ liệu, ký tự, âm thanh, hình ảnh, sử dụng hạ tầng viễn thông không dây. Hệ thống truyền dẫn cung cấp truyền dẫn đa hướng theo sóng truyền phát trên không trung, có thể sử dụng công nghệ đơn hoặc kết hợp nhiều công nghệ. Hoạt động duy trì và điều hành nhắn tin di động và mạng viễn thông không dây khác; Hoạt động cung cấp dịch vụ truy cập internet bằng mạng viễn thông không dây<br>Loại trừ: Bán lại hạ tầng viễn thông, mạng cung cấp (mà không thực hiện cung cấp dịch vụ) | 6120        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 14. | <p>Hoạt động viễn thông khác</p> <p>Chi tiết: Bán lại hạ tầng viễn thông, mạng cung cấp (không thực hiện cung cấp dịch vụ), Hoạt động của các đại lý internet cung cấp dịch vụ truy cập internet cho khách hàng.</p> <p>Loại trừ: Hoạt động của các quán cà phê internet trong đó hoạt động cung cấp dịch vụ truy cập internet cho khách hàng chỉ có tính chất phụ thêm</p>                                                                                                                                                                                                                   | 6190 |
| 15. | <p>Lập trình máy vi tính</p> <p>Chi tiết: Hoạt động viết, sửa, thử nghiệm và trợ giúp các phần mềm theo yêu cầu sử dụng riêng biệt của từng khách hàng; Lập trình các phần mềm nhúng</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 6201 |
| 16. | <p>Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính</p> <p>Chi tiết: Hoạt động lập và thiết kế các hệ thống máy tính tích hợp các phần cứng, phần mềm máy tính và công nghệ giao tiếp</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 6202 |
| 17. | <p>Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính</p> <p>Chi tiết: Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 6209 |
| 18. | <p>Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan</p> <p>Chi tiết: Xử lý dữ liệu hoàn chỉnh cho khách hàng như: nhập tin, làm sạch dữ liệu, tổng hợp dữ liệu, tạo báo cáo, .... từ dữ liệu do khách hàng cung cấp; Hoạt động cung cấp và cho thuê hạ tầng thông tin như: cho thuê tên miền internet, cho thuê trang Web....; Các hoạt động cung cấp dịch vụ liên quan khác như: chia sẻ thời gian thực cho các thiết bị công nghệ thông tin (máy chủ, máy tính cá nhân, thiết bị di động,..) cho khách hàng; Cung cấp trực tuyến phần mềm (ứng dụng và cung cấp các dịch vụ ứng dụng)</p> | 6311 |
| 19. | <p>Cổng thông tin</p> <p>Chi tiết: Hoạt động điều hành các website sử dụng công cụ tìm kiếm để tạo lập và duy trì các cơ sở dữ liệu lớn các địa chỉ internet và nội dung theo một định dạng có thể tìm kiếm một cách dễ dàng; Hoạt động điều hành các website khác hoạt động như các cổng internet, như các trang báo chí, phương tiện truyền thông trực tuyến cung cấp các nội dung thông tin được cập nhật định kỳ</p>                                                                                                                                                                      | 6312 |
| 20. | <p>Hoạt động tư vấn quản lý</p> <p>Chi tiết: Dịch vụ tư vấn quản lý doanh nghiệp; lập hồ sơ dự án đầu tư</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7020 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 21. | Quảng cáo<br>Chi tiết: Cung cấp tất cả các lĩnh vực của dịch vụ quảng cáo (thông qua năng lực của tổ chức hoặc hợp đồng phụ), bao gồm tư vấn, dịch vụ sáng tạo, sản xuất các nguyên liệu cho quảng cáo, kế hoạch truyền thông, và mua, gồm: - Sáng tạo và thực hiện các chiến dịch quảng cáo; - Sáng tạo và đặt quảng cáo trong báo, tạp chí, đài phát thanh, truyền hình, và các phương tiện truyền thông khác; - Đặt quảng cáo ngoài trời như: bảng lớn, panô, bảng tin, cửa sổ, phòng trưng bày, ô tô con và ô tô buýt | 7310 |
| 22. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Thiết kế phần mềm, thiết kế website                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7410 |
| 23. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>Loại trừ: Hợp báo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 8230 |
| 24. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết : Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Điều 28 Luật Thương mại 2005)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 8299 |
| 25. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 9511 |

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 50.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông    | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức      | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN MẠNH HÀ | Tổ 8, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                       | Cổ phần phổ thông         | 14.500     | 145.000.000           | 29,000    | B4931397                                                                                    |         |
|     |                |                                                                                           | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                           | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                           | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                           | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                           | Tổng số                   | 14.500     | 145.000.000           | 29,000    |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                           |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | HOÀNG TUẤN ĐẠT | Số nhà 59, ngõ Thông Phong, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 19.500     | 195.000.000           | 39,000    | 012114878                                                                                   |         |
|     |                |                                                                                           | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                           | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                           | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                           | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                           | Tổng số                   | 19.500     | 195.000.000           | 39,000    |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                           |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                 |                                                                                             |                           |        |             |        |              |  |
|---|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|--------------|--|
| 3 | VŨ DUY SINH     | Khu B, Thị trấn Lâm, Huyện ý Yên, Tỉnh Nam Định, Việt Nam                                   | Cổ phần phổ thông         | 12.500 | 125.000.000 | 25,000 | 036092002349 |  |
|   |                 |                                                                                             | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |                 |                                                                                             | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |                 |                                                                                             | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |                 |                                                                                             | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |                 |                                                                                             | Tổng số                   | 12.500 | 125.000.000 | 25,000 |              |  |
| 4 | TRƯƠNG DUY HIẾU | Số 4 hẻm 173/68/41 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  | 013288222    |  |
|   |                 |                                                                                             | Cổ phần phổ thông         | 3.500  | 35.000.000  | 7,000  |              |  |
|   |                 |                                                                                             | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |                 |                                                                                             | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |                 |                                                                                             | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |                 |                                                                                             | Tổng số                   | 3.500  | 35.000.000  | 7,000  |              |  |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: **VŨ DUY SINH**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *04/06/1992*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *036092002349*

Ngày cấp: *17/10/2019*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát QL Hành chính về Trật tự xã hội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Khu B, Thị trấn Lâm, Huyện ý Yên, Tỉnh Nam Định, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Khu B, Thị trấn Lâm, Huyện ý Yên, Tỉnh Nam Định, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội